TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2018/HNGÑ-ST
Ngày: 26-6-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Ông Lê Hữu Đức – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1977

Địa chỉ: tổ 33, ấp 2, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp PĐ, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Anh Th có đơn xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, năm 2007 anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2008, ngày 13/02/2008. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2009, xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được.

Nay, anh Nguyễn Văn Th yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị T.

- Về con chung: tên Nguyễn Huy H, sinh ngày 02/02/2008 đang sống với anh Th, anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không ý kiến và yêu cầu nào khác.

* Chị Dương Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên tòa án không ghi nhận ý kiến của chị T.

Tại phiên tòa, chị Dương Thị T vẫn vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Th, chị T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ giữa năm 2009 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 02/02/2008, hiện đang sống với anh Th, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Dương Thị T nên quan hệ pháp luật của vụ án "Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chị Dương Thị T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp PĐ, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh Th có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Th, chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2008, ngày 13/02/2008 theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng của anh chị được pháp luật công nhân. Tuy nhiên, anh Th nhận thấy không còn tình cảm với chị T, cuộc sống chung không thể kéo dài vì ly thân trên 8 năm mà anh chị không liên hệ, cả hai không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận định: cuộc sống chung của anh Th, chị T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị T là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị T.

[3] Về con chung tên Nguyễn Huy H, sinh ngày 02/02/2008, hiện đang sống với anh Th, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị T không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được. Tuy nhiên, anh Th phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị T đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh Th không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình, chị Nhung không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Th đối với chị Dương Thị T.

Về con chung: Anh Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 02/02/2008 đến thành niên hoặc tự lập được. Anh Th phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị T đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Chị T lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Th không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016630 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Chị Dương Thị T không phải chịu án phí.

Anh Th, chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi Nhận* :**
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- UBND xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Chí Keo